

**DEVELOPING A COMPETENCY
FRAMEWORK FOR DIFFERENTIATED
INSTRUCTION AMONG PRE-SERVICE
FINE ARTS TEACHERS AT UNIVERSITIES**

**XÂY DỰNG KHUNG NĂNG LỰC
DẠY HỌC PHÂN HÓA CHO SINH VIÊN
NGÀNH SƯ PHẠM MĨ THUẬT
Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

Nguyen Thi Hong Tham* and Pham Dinh Binh
*Faculty of Arts, Hanoi National University of
Education, Hanoi city, Vietnam*

Nguyễn Thị Hồng Thắm* và Phạm Đình Bình
*Khoa Nghệ thuật, Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Corresponding author: Nguyen Thi Hong Tham,
e-mail: Thamnth@hnue.edu.vn

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hồng Thắm,
e-mail: Thamnth@hnue.edu.vn

Received November 6, 2025.

Revised November 26, 2025.

Accepted December 25, 2025.

Ngày nhận bài: 6/11/2025.

Ngày sửa bài: 26/11/2025.

Ngày nhận đăng: 25/12/2025.

Abstract. Competency in differentiated instruction is one of the essential professional competencies required of teachers to achieve the goal of developing learners' qualities and abilities. The development of a competency framework for differentiated instruction among pre-service Fine Arts teachers is essential for enhancing the quality of Fine Arts teachers. Drawing upon theoretical research and expert consultation, the study proposes a competency framework consisting of six criteria and fourteen indicators, which comprehensively represent the component skills of differentiated instruction competence. Furthermore, the paper outlines the foundations, principles, and process for developing this competency framework for pre-service Fine Arts teacher. The research results provide a foundation for universities to develop and enhance Fine Arts teacher education programs that meet professional standards and respond to the current demands of educational innovation.

Keywords: differentiated instruction, competency framework, pre-service Fine Arts teacher.

Tóm tắt. Năng lực dạy học phân hóa là một trong những năng lực cần thiết của giáo viên để thực hiện mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực cho người học. Việc xây dựng khung năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao chất lượng giáo viên Mỹ thuật. Bằng phương pháp nghiên cứu lý thuyết và phương pháp chuyên gia, bài báo xây dựng khung năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật gồm 6 tiêu chí, 14 chỉ báo phản ánh đầy đủ các năng lực thành phần của năng lực dạy học phân hóa. Bài báo cũng đưa ra cơ sở, nguyên tắc, quy trình xây dựng khung năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho các trường đại học xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên Mỹ thuật đảm bảo chuẩn nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Từ khóa: dạy học phân hóa, khung năng lực, sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật.

1. Mở đầu

Chương trình Giáo dục phổ thông được Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng theo “Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực dạy học phân hóa (DHPH) là định hướng dạy

học phù hợp với các đối tượng học sinh”, đảm bảo “Tích hợp cao ở các lớp học dưới, phân hoá dần ở các lớp học trên” [1]. Chương trình đã nêu rõ “DHPH là định hướng dạy học phù hợp với các đối tượng học sinh (HS khác nhau, nhằm phát triển tối đa tiềm năng vốn có của mỗi HS dựa vào đặc điểm tâm - sinh lí, khả năng, nhu cầu, hứng thú và định hướng nghề nghiệp khác nhau của HS” [1]. Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018 cũng thể hiện rõ định hướng phân hóa trong dạy học: “Đối với HS có năng khiếu mỹ thuật, giáo viên (GV) tạo cơ hội để HS phát triển năng khiếu nghệ thuật theo sở thích và thiên hướng của bản thân. Đối với HS có thể trạng đặc biệt, căn cứ vào yêu cầu cần đạt của chương trình, nhà trường, GV xây dựng kế hoạch giáo dục giúp HS có những hiểu biết thiết yếu về mỹ thuật trên cơ sở nội dung thực hành, sáng tạo ở mức độ đơn giản” [2], “Đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa học tập cá nhân và tập thể, đảm bảo tính vừa sức và chú ý đến những đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm cá biệt” [3; 24], “Quan tâm đến sự khác biệt về giới tính, đa dạng sắc tộc, đặc điểm văn hóa vùng miền và tính thời đại của mỗi HS” [2]. Điều đó cho thấy GV Mỹ thuật cần có năng lực DHPH để đáp ứng sự đa dạng của người học, cũng như mục tiêu của chương trình giáo dục. Trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo sinh viên (SV) ngành Sư phạm Mỹ thuật (SPMT) của trường ĐHSP Hà Nội, SV cần có năng lực DHPH để “Xây dựng và thực hiện được các chủ đề (hay bài soạn) DHPH” [4]. Như vậy việc phát triển năng lực DHPH cho SV ngành SPMT là nhiệm vụ cấp thiết cả về lí luận và thực tiễn đối với các cơ sở đào tạo giáo viên Mỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay.

Để phát triển năng lực DHPH, cần xây dựng được khung năng lực DHPH cho SV ngành SPMT bao gồm các tiêu chí, chỉ báo cụ thể. Cho đến nay, đã có một số công trình nghiên cứu đề cập đến khung năng lực DHPH ở nhiều góc độ khác nhau. Các tác giả Phạm Thị Kim Anh [5], Nguyễn Thị Kim Dung [6], Dương Thị Thúy Hà [7],... đã trình bày một số năng lực thành phần của năng lực DHPH trong khung NL dạy học của SV Sư phạm và GV trẻ ở trung học phổ thông. Đồng quan điểm trên, tác giả Trịnh Thúy Giang, Mai Quốc Khánh trong nghiên cứu về đào tạo năng lực dạy học (NLDH) cho SV ĐHSP theo tiếp cận năng lực thực hiện đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông cũng cho rằng cần đào tạo năng lực DHPH cho SV [8]. Luận án “Phát triển NLDH cho SV Cao đẳng sư phạm qua dạy học vi mô” của tác giả Uông Thị Lê Na (2017) đã đưa ra khung NLDH của GV, trong đó trình bày năng lực phân hóa bao gồm kiến thức và kĩ năng của DHPH như: trình bày được đặc điểm, hình thức DHPH, phân tích được nội dung chương trình, xu hướng DHPH, lập được kế hoạch DHPH,... [9]. Tác giả Phan Thái Hiệp (2023) đã đưa ra khung năng lực chuyên môn cho GV tiểu học giai đoạn hiện nay trong đó có năng lực DHPH, GV “Có khả năng phân hóa đối tượng HS, có năng lực thiết kế nội dung dạy học theo hướng phân hóa xuất phát từ mục tiêu dạy học, có năng lực xây dựng và thực hiện quy trình DHPH...” [10]. Tác giả Vũ Việt Hùng đã trình bày khung năng lực DHPH của SV ngành Giáo dục Thể chất với các năng lực thành phần như: năng lực nghiên cứu người học, năng lực thiết kế bài học theo hướng phân hóa [11]... Năng lực DHPH là năng lực cần thiết đối với GV Mỹ thuật, tuy nhiên cho đến nay, chưa có nghiên cứu về khung năng lực DHPH cho SV ngành SPMT ở các trường đại học tại Việt Nam, dẫn đến khó khăn trong đào tạo, đánh giá năng lực dạy học. Do đó, việc xây dựng khung năng lực DHPH của SV SPMT là yêu cầu cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn để thực hiện hiệu quả mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực người học, góp phần quan trọng đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực chất lượng trong lĩnh vực giáo dục nghệ thuật. Để xây dựng khung năng lực DHPH của SV SPMT, trong bài báo này chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu lí thuyết (Phương pháp phân tích, tổng hợp, phân loại) nhằm tiến hành thu thập, phân tích và tổng hợp các tài liệu (sách, bài báo khoa học, luận án) trong và ngoài nước (ưu tiên từ năm 2000 đến 2025) liên quan đến khung NLDH, NL DHPH trong giáo dục mỹ thuật. Dựa trên cách tiếp cận hệ thống – cấu trúc, năng lực và phát triển, nghiên cứu rút ra các kết luận làm cơ sở lí luận và thực tiễn nhằm xây dựng khung năng lực DHPH cho SV ngành SPMT. Chúng tôi cũng thực hiện xin ý kiến chuyên gia về những vấn đề liên quan đến xây dựng khung năng lực DHPH cho SV ngành SPMT, từ đó điều chỉnh và hoàn thiện khung năng lực.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Khái niệm năng lực và dạy học phân hóa

Có nhiều khái niệm khác nhau về năng lực đã được các tác giả đưa ra. Theo tác giả Bernd Meier- Nguyễn Văn Cường: “năng lực là khả năng thực hiện thành công và có trách nhiệm các nhiệm vụ, giải quyết các vấn đề trong các tình huống xác định cũng như các tình huống thay đổi trên cơ sở huy động các kiến thức, kỹ năng và thuộc tính tâm lý khác như động cơ, ý chí, quan điểm, giá trị,...suy nghĩ thấu đáo và sự sẵn sàng hành động” [12; 68]. Đồng quan điểm trên, các tác giả Nguyễn Công Khanh - Đào Thị Oanh cho rằng “năng lực là khả năng làm chủ những hệ thống kiến thức, kỹ năng, thái độ và vận hành (kết nối) chúng một cách hợp lý vào thực hiện thành công nhiệm vụ hoặc giải quyết hiệu quả vấn đề đặt ra của cuộc sống” [13; 111]. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 nhấn mạnh: “năng lực là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí..., thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể” [1]. Kế thừa các quan điểm về năng lực, tiếp cận khái niệm năng lực theo hướng năng lực thực hiện, chúng tôi cho rằng: *“Năng lực là khả năng thực hiện, giải quyết hiệu quả một công việc hay nhiệm vụ trên cơ sở sử dụng vận dụng phù hợp, linh hoạt tổ hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ của bản thân để đảm bảo tiến hành hoạt động hiệu quả, đạt được mục tiêu nhất định trong những điều kiện, tình huống đa dạng của cuộc sống”*

Khái niệm DHPH đã được đề cập trong nhiều nghiên cứu. Theo tác giả Tomlinson (2001), DHPH là một chiến lược giảng dạy phù hợp với các nhu cầu khác biệt của từng cá nhân người học. Tomlinson xác định 3 yếu tố chính cần được phân hóa trong quá trình giảng dạy gồm: Nội dung, quá trình, sản phẩm [14]. Tác giả Nguyễn Hữu Châu (2006) cho rằng DHPH là một quan điểm dạy học đòi hỏi phải tổ chức tiến hành các hoạt động dạy học dựa trên những khác biệt của người học về năng lực, sở thích, nhu cầu và các điều kiện học tập nhằm tạo ra những kết quả học tập tốt nhất cho người học [15]. Tác giả Tôn Thân (2006) cũng khẳng định DHPH là một quan điểm dạy học đòi hỏi phải tổ chức, tiến hành các các hoạt động dạy học dựa trên những khác biệt của người học về năng lực, sở thích, nhu cầu, các điều kiện học tập nhằm tạo ra kết quả học tập tốt nhất, đảm bảo công bằng trong giáo dục [16]. Theo tác giả Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thị Thanh Huyền (2020), DHPH là một tiếp cận dạy học mà ở đó GV phân loại đối tượng giáo dục để thiết kế và điều chỉnh quá trình dạy học cho phù hợp với từng cá nhân hoặc từng nhóm HS nhằm phát triển tối đa năng lực học tập và sở trường của mỗi em [17]. Chúng tôi cho rằng: *DHPH là một quan điểm dạy học yêu cầu người GV khi tổ chức quá trình DH cần phân loại HS dựa trên sự khác biệt về năng lực; phong cách, mức độ nhận thức, nhu cầu, hứng thú, thể chất,... trong học tập, đó tổ chức quá trình dạy học cho phù hợp với mỗi cá nhân/nhóm HS để mang lại hiệu quả dạy học tối ưu nhất.*

Trong dạy học mĩ thuật, tác giả Mary Amber Bush (2003) đã đề cập đến phân hóa về nội dung, quy trình, sản phẩm bằng cách phân nhóm HS linh hoạt theo sự sẵn sàng, hứng thú, phong cách học tập của HS[18]. Tác giả Heather L.R. Fountain (2014) đã nêu rõ trọng tâm của DHPH là GV cần phát huy tối đa tiềm năng của tất cả HS thông qua thiết kế không gian và trải nghiệm học tập đa dạng, cung cấp cho tất cả HS các phong cách học tập phong phú, HS có những lựa chọn tiếp cận kiến thức bằng nhiều cách khác nhau [19]. Tác giả Nguyễn Thu Tuấn (2011) cho rằng: Giáo dục Mĩ thuật phải dựa vào kiến thức kinh nghiệm của cá nhân, dựa vào đặc điểm tâm lý của từng người. Không có phương pháp chung hiệu quả đối với tất cả mọi đối tượng mà giáo dục luôn là sự chăm sóc và đối xử cá biệt. Cần cá biệt hóa việc dạy học, sử dụng những tác động thích hợp để nâng cao năng lực của HS khá, đồng thời dẫn dắt HS yếu kém [20]. Chúng tôi quan niệm: *DHPH trong Mĩ thuật là một chiến lược dạy học dựa trên sự phân hóa HS về năng lực, nhu cầu, hứng thú, ... để từ đó GV tổ chức, điều chỉnh quá trình dạy học Mĩ thuật cho phù hợp*

với mỗi cá nhân/nhóm HS nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu, yêu cầu cần đạt của chương trình.

2.1.2. Khái niệm năng lực dạy học, năng lực dạy học phân hóa, khung năng lực

Năng lực dạy học là năng lực quan trọng của người GV. NLDH thuộc năng lực sư phạm là năng lực mà bất kỳ người GV nào cũng cần có để thực hiện được nhiệm vụ dạy học tại các cơ sở giáo dục. Tác giả Trịnh Thúy Giang, Mai Quốc Khánh cho rằng “NLDH là sự thực hiện thành công một nhiệm vụ dạy học hoặc giải quyết hiệu quả những vấn đề đặt ra của thực tiễn dạy học, trên cơ sở vận dụng hợp lý, linh hoạt, mềm dẻo, sáng tạo những kiến thức, kỹ năng chuyên môn và chuẩn thái độ nghề nghiệp tương ứng” [8; 35]. Tác giả Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Thị Mỹ Hòa đã định nghĩa NLDH của GV được thể hiện qua các năng lực cốt lõi, đó là: Phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa; Vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học bộ môn; dạy học tích hợp; dạy học phân hóa... [21]. Tác giả Trương Thị Bích đã đưa ra hệ thống các NLDH đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0 bao gồm: năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa, NLDH tích hợp, năng lực DPHP, năng lực ứng dụng CNTT trong xây dựng, quản lý và khai thác hồ sơ dạy học [22]. Từ định nghĩa về năng lực, chúng tôi cho rằng “*NLDH là việc thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của người học trên cơ sở kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm của người GV*”. Như vậy NLDH thể hiện việc thực hiện thành công các hoạt động dạy học để đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong chương trình.

Theo tác giả Đinh Quang Báo và các cộng sự: năng lực DPHP thuộc NLDH bao gồm kiến thức và kỹ năng về DPHP: Phân tích được những nội dung cốt lõi của phân hóa trong tổ chức dạy học, nêu được các hình thức, phương pháp DPHP theo đặc điểm tâm lý, nhận thức HS, thiết kế được các chương trình dạy học môn học phân hóa các đối tượng theo các tiêu chí, mức độ phân hóa [23]. Tác giả Lê Thị Thu Hương (2016) cho rằng: phát triển năng lực DPHP là một nội dung quan trọng trong đào tạo GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; tác giả đã đề xuất một số năng lực cần của GV trong DPHP gồm: 1. Năng lực đánh giá và phân loại HS; 2. Năng lực thiết kế và sử dụng các nguồn học liệu trong quá trình dạy học; 3. Năng lực xây dựng nội dung DPHP; 4. Năng lực sử dụng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; 5. Năng lực quản lý lớp học và tạo lập môi trường DPHP [24]. Tác giả Nguyễn Thị Hằng Nga, Trần Thị Thanh Huyền (2020) quan niệm năng lực DPHP là khả năng phân loại đối tượng giáo dục để thiết kế, tổ chức và đánh giá hiệu quả các hoạt động dạy học đáp ứng sự đa dạng về trình độ nhận thức, kiểu trí tuệ, phong cách học tập... nhằm phát triển tối đa năng lực học tập và sở trường của mỗi HS [17]. Trên cơ sở phân tích khái niệm NLDH và DPHP, chúng tôi cho rằng: *Năng lực DPHP của SV ngành SPMT là tổ hợp các thao tác, hành động sư phạm nhằm thực hiện hiệu quả quá trình DPHP dựa trên sự khác biệt về năng lực; phong cách, mức độ nhận thức, nhu cầu, hứng thú, điều kiện ... trong học tập của HS, từ đó phát triển tối đa khả năng của mỗi cá nhân/nhóm HS, đạt được mục tiêu dạy học Mĩ thuật.*

Theo Unesco: Khung năng lực là cách tiếp cận có hệ thống để xác định các kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết cho một vai trò hoặc lĩnh vực cụ thể [25]. Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) cho rằng: Khung năng lực là một tập hợp bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ mà cá nhân cần phát triển để thực hiện hiệu quả trong một bối cảnh cụ thể [26].

Như vậy, Khung năng lực DPHP của SV ngành SPMT có thể hiểu là tổng hợp các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết của SV để thực hiện hiệu quả DPHP nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu cần đạt trong dạy học Mĩ thuật, giúp HS hình thành và phát triển năng lực mĩ thuật, phát triển năng khiếu nghệ thuật, bồi dưỡng phẩm chất, xây dựng thị hiếu thẩm mĩ lành mạnh đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa dân tộc và hội nhập quốc tế.

2.2. Cơ sở xây dựng khung năng lực dạy học phân hóa cho sinh viên ngành Sư phạm Mĩ thuật

- Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật, đặc điểm của DPHP trong môn Mĩ thuật

Chương trình Giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật 2018 thể hiện rõ định hướng về DPHP trong mục tiêu, yêu cầu cần đạt, nội dung, phương pháp dạy học của chương trình. Trong mục 2, quan điểm xây dựng chương trình đã nhấn mạnh về DPHP “Chương trình môn Mỹ thuật chọn lọc những kiến thức phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông, đặc điểm tâm – sinh lí lứa tuổi HS và điều kiện dạy học. Chương trình được thiết kế linh hoạt, có thể điều chỉnh phù hợp với các nhóm đối tượng HS, các cơ sở giáo dục và địa phương” [2].

Khung năng lực được xây dựng dựa trên đặc điểm của DPHP trong môn Mỹ thuật theo cách tiếp cận cấu trúc của quá trình dạy học (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, kiểm tra, đánh giá). Quá trình tổ chức DPHP trong dạy học mỹ thuật là căn cứ để xác định những năng lực thành phần của năng lực DPHP bao gồm năng lực: Tìm hiểu, phân tích đối tượng HS để xác định sự khác biệt về năng lực mỹ thuật, phong cách học tập, kĩ năng tạo hình, mức độ tự tin, và khả năng tiếp nhận thông tin, sở thích, năng khiếu... để phân hóa đối tượng HS. Xác định mục tiêu bài học phân hóa, xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phân hóa. Tổ chức thực hiện DPHP theo các hoạt động dạy học (Khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng) chú ý đến nhiệm vụ học tập phân hóa theo từng đối tượng HS, khuyến khích HS tích cực, chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập. Đánh giá và điều chỉnh, sau khi tổ chức bài dạy phân hóa, GV tiến hành đánh giá hiệu quả của DPHP và điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp.

- Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành SPMT ở các trường Đại học

Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã qui định rõ tại Điều 5 về tiêu chuẩn 2. Phát triển chuyên môn, nghiệp vụ với 05 tiêu chí mà GV cần đạt được bao gồm: Phát triển chuyên môn bản thân; Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; Sử dụng phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; Kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS; Tư vấn và hỗ trợ HS. Đây chính là một trong những căn cứ để xác định hệ thống các NLDH trong đó có năng lực DPHP cần hình thành và phát triển cho SV ngành SPMT [27].

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành SPMT ở các trường Đại học (ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Đại học nghệ thuật- Đại học Huế, Đại học Sài Gòn,...) đều hướng đến hình thành cho người học những năng lực và phẩm chất cần thiết của người GV Mỹ thuật, đáp ứng được yêu cầu dạy học Mỹ thuật ở phổ thông. Khung năng lực DPHP được xây dựng đảm bảo yêu cầu về chuẩn GV phổ thông cũng như chuẩn đầu ra của của chương trình đào tạo ngành SPMT. Cách tiếp cận xây dựng khung năng lực dựa trên yêu cầu vị trí việc làm của GV Mỹ thuật. GV cần có năng lực DPHP để thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông môn Mỹ thuật. Khung năng lực được xây dựng cụ thể hóa các nhiệm vụ, yêu cầu của GV Mỹ thuật trong quá trình tổ chức DPHP cho HS. Cách tiếp cận phát triển nghề nghiệp được sử dụng khi xây dựng khung năng lực để định hướng cho SV lộ trình phát triển các kiến thức, kĩ năng về DPHP, để từ đó có năng lực thực hiện DPHP hiệu quả ở phổ thông.

- Căn cứ tiếp cận cấu trúc năng lực theo các thành tố của năng lực DPHP

Khung năng lực DPHP của SV SPMT được xây dựng theo tiếp cận cấu trúc năng lực bao gồm nhiều thành tố năng lực gắn liền với quá trình tổ chức DPHP trong dạy học Mỹ thuật. Mỗi thành tố năng lực đều có tiêu chí thực hiện và các biểu hiện hành vi cụ thể để có thể quan sát được, giúp cho việc đánh giá năng lực DPHP được thuận tiện, chính xác.

2.3. Nguyên tắc và quy trình xây dựng khung năng lực

Quá trình xây dựng khung NL tuân thủ một số nguyên tắc cốt lõi, bao gồm: (1) nguyên tắc pháp lí – bảo đảm thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm về chuẩn nghề nghiệp của GV phổ thông, chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo ngành SPMT; (2) nguyên tắc thực tiễn – phản ánh đúng yêu cầu công việc của GV Mỹ thuật phổ thông (3) nguyên tắc phát triển – khung năng

lực cho phép điều chỉnh, cập nhật theo sự biến đổi của công nghệ, xu hướng dạy học, giáo dục hiện nay; (4) nguyên tắc khả thi – khung năng lực được trình bày rõ ràng, có thể đo lường, đánh giá, áp dụng trong thực tiễn đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá SV SPMT.

Khung năng lực DHPH của SV ngành SPMT được thiết kế trên quy trình tổ chức DHPH gắn với thực tiễn dạy học Mĩ thuật ở trường phổ thông, từ đó có khả năng ứng dụng cao trong các cơ sở đào tạo GV Mĩ thuật hiện nay ở Việt Nam

Khung năng lực DHPH của SV ngành SPMT được thực hiện theo các bước sau đây:

Bước 1: Lập kế hoạch xây dựng khung năng lực DHPH của SV ngành SPMT, xác định mục tiêu, phạm vi, đối tượng áp dụng khung năng lực.

Bước 2: Xây dựng khung năng lực gồm các tiêu chí, xác định các chỉ báo liên quan đồng thời chú ý tính khoa học, hợp lí của khung. Khi xây dựng khung năng lực DHPH cần bám sát quy trình tổ chức DHPH trong môn Mĩ thuật ở phổ thông để phù hợp và đảm bảo tính khả thi nhất.

Bước 3: Kiểm tra bộ tiêu chí, tính hợp lí và chính xác của bộ tiêu chí. Hỏi ý kiến chuyên gia để có sự điều chỉnh cho phù hợp.

Bước 4: Cung cấp khung năng lực cho các cơ sở đào tạo SV SPMT. Tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các nhà trường để điều chỉnh nếu cần thiết. Đảm bảo mục tiêu của khung năng lực là giúp cho việc đào tạo, kiểm tra đánh giá năng lực DHPH của SV ngành SPMT đạt hiệu quả.

2.4. Khung năng lực dạy học phân hóa của sinh viên ngành Sư phạm Mĩ thuật

Từ khái niệm và đặc trưng của DHPH trong dạy học Mĩ thuật chúng tôi xác định khung năng lực DHPH của SV ngành SPMT gồm 6 tiêu chí và 14 chỉ báo sau đây:

Bảng 1. Khung năng lực DHPH của SV ngành SPMT.

Tiêu chí	Chỉ báo	Biểu hiện
1. Năng lực nhận thức về DHPH	1.1. Hiểu biết về cơ sở lí luận của DHPH	1.1.1. Trình bày được khái niệm và phân tích được vai trò, ý nghĩa của DHPH trong giáo dục hiện đại
		1.1.2. Nêu được cơ sở lí thuyết về DHPH, bản chất của của DHPH
	1.2. Hiểu biết về quá trình tổ chức DHPH	1.2.1. Xác định được các hình thức DHPH
		1.2.2. Trình bày được quy trình, điều kiện tổ chức và xu hướng của DHPH
2. Năng lực nghiên cứu người học, chương trình dạy học Mĩ thuật	2.1. Phân tích và phân hóa được người học	2.2.1. Sử dụng được một số phương pháp, công cụ phù hợp để tìm hiểu người học về sở thích, năng lực nhận thức, cảm thụ, sáng tạo thẩm mĩ,...trong học tập Mĩ thuật.
		2.1.2. Thu thập, xử lí được thông tin về người học và phân loại được mức độ năng lực mĩ thuật của người học, phát hiện được HS có năng khiếu Mĩ thuật.
	2.2. Nghiên cứu mục tiêu, nội dung, yêu cầu cần đạt chương trình dạy học Mĩ thuật	2.2.1. Phân tích mục tiêu, yêu cầu cần đạt môn Mĩ thuật
		2.2.2. Phân tích được nội dung chương trình phù hợp với các đối tượng người học
		2.2.3. Xác định được chủ đề/bài học DHPH
3. NL xây dựng kế	3.1. Xác định được mục tiêu bài học phù hợp với từng loại đối tượng HS	3.1.1. Xác định được các năng lực mĩ thuật, phẩm chất cần hình thành cho người học
		3.1.2. Xác định được mục tiêu tối thiểu và mục tiêu nâng cao của bài học

hoạch bài dạy theo hướng phân hóa	3.2. Thiết kế nội dung dạy học theo hướng phân hoá	3.2.1.Lựa chọn nội dung học tập phù hợp với các đối tượng HS
		3.2.2. Phân bậc nội dung học tập theo các mức độ để các đối tượng HS khác nhau có thể tiếp cận
	3.3.Lựa chọn phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp mục tiêu, nội dung dạy học theo hướng phân hóa	3.3.1.Xác định các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với bài học
		3.3.2. Xác định các phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức dạy học phù hợp các đối tượng người học và điều kiện tổ chức DHPH
	3.4. Thiết kế được các hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập phù hợp theo hướng phân hóa.	3.4.1.Xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm, cách thức tổ chức hoạt động dạy học phù hợp theo hướng phân hóa
		3.4.2.Thiết kế được các nhiệm vụ học tập phân mức phù hợp với năng lực người học (Thiết kế bài tập thực hành đa dạng về thể loại, chất liệu, hình thức thể hiện,... để HS phát triển năng lực mỹ thuật)
	4.1. Tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng phân hóa	4.1.1.Sử dụng hiệu quả các phương pháp, kĩ thuật, hình thức dạy học đa dạng phù hợp với năng lực HS và đặc thù môn Mỹ thuật để phát triển cho HS năng lực quan sát và nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo và ứng dụng thẩm mỹ, phân tích và đánh giá thẩm mỹ.
		4.1.2.Sử dụng hiệu quả các phương tiện dạy học, công nghệ thông tin trong tổ chức DHPH
4.1.3.Quản lí thời gian phù hợp với các hoạt động dạy học		
4.Năng lực tổ chức thực hiện kế hoạch DHPH	4.2. Hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hoạt động học tập của HS theo hướng phân hóa	4.2.1.Thu thập, xử lí thông tin phản hồi phù hợp, kịp thời cho người học
		4.2.2. Duy trì sự tương tác giữa người dạy và người học
		4.2.3.Theo dõi, quan sát, phát hiện kịp thời những khó khăn của HS. Nhận diện, điều chỉnh được các hành vi không mong đợi HS trong quá trình DHPH
		4.2.4. Xử lí các tình huống sư phạm trong dạy học
5.Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phân hoá	5.1. Xác định phương pháp, thiết kế công cụ đánh giá phù hợp với chủ đề/bài học và năng lực của người học	5.1.1.Xác định được mục tiêu, xây dựng được tiêu chí đánh giá
		5.1.2.Xác định được phương pháp đánh giá, xây dựng được các công cụ đánh giá: câu hỏi, bài tập, phiếu đánh theo tiêu chí,...để đánh giá năng lực người học (chú trọng đánh giá quá trình, đánh giá sự tiến bộ của HS trong học tập Mỹ thuật)
	5.2. Thực hiện đánh giá được kết quả học tập theo hướng phân hóa, đánh giá được sự tiến bộ của người học.	5.2.1.Sử dụng thành thạo, hiệu quả các phương pháp, công cụ đánh giá NL HS.
		5.2.2.Phân tích được sự tiến bộ của người học từ đó đánh giá được mức độ phát triển NL của người học.
		5.2.3.Hướng dẫn được HS thực hiện tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng
6. NL quản lí	6.1.Tự đánh giá và điều chỉnh hoạt	6.1.1.Phân tích được những ưu điểm và hạn chế trong quá trình tổ chức dạy học của bản thân

hoạt động dạy học phân hóa	động dạy học của bản thân	6.1.2.Tự nghiên cứu, tự điều chỉnh, hoàn thiện được quá trình DHPH của bản thân, phát triển năng lực nghề nghiệp
	6.2.Tổ chức hoạt động tự học, xây dựng môi trường học tập cho người học	6.2.1.Hướng dẫn người học tự học, tự nghiên cứu. Tham vấn học tập cho người học trong quá trình dạy học, hỗ trợ học sinh đặc biệt, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng HS năng khiếu Mỹ thuật.
		6.2.2.Xây dựng, cải thiện môi trường học tập thân thiện, an toàn, cởi mở, tôn trọng sự khác biệt và khuyến khích học sinh phát huy năng lực sáng tạo nghệ thuật.

Trên cơ sở tham khảo một số nghiên cứu về khung NLDH, năng lực DHPH của các tác giả Đinh Quang Báo [23], Nguyễn Thị Kim Dung[6], Trịnh Thúy Giang [8], Phạm Thị Kim Anh [5], Vũ Việt Hùng[11], khung năng lực DHPH của SV ngành SPMT được xây dựng gồm 6 tiêu chuẩn, 14 tiêu chí và hệ thống chỉ báo các hành vi cụ thể gắn với quy trình, thực tiễn tổ chức DHPH trong môn Mỹ thuật ở phổ thông. Để có năng lực DHPH, SV ngành SPMT cần có tri thức về DHPH, SV cần hiểu biết về vai trò, ý nghĩa, bản chất của DHPH cũng như xu hướng của DHPH trong dạy học Mỹ thuật hiện nay. Đây là năng lực quan trọng để SV có kiến thức nền tảng về DHPH, từ đó biết vận dụng vào tổ chức DHPH trong môn Mỹ thuật. SV cần phải biết cách xác định và phân loại người học theo mức độ năng lực, sở thích, phong cách học tập để xác định mục tiêu DHPH phù hợp, nhận diện được các học sinh đặc biệt, học sinh có năng khiếu Mỹ thuật để xây dựng được kế hoạch dạy học hiệu quả. Từ mục tiêu đã xác định, SV cần có NL lập kế hoạch và tổ chức DHPH, biết lựa chọn các nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học cho phù hợp với các đối tượng học sinh, chú ý phát triển năng lực quan sát, nhận thức thẩm mỹ, sáng tạo, ứng dụng thẩm mỹ, phân tích, đánh giá thẩm mỹ cho HS. Khi xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng phân hóa, nhiệm vụ học tập trong các bài thực hành mỹ thuật có thể thiết kế phân hóa đa dạng để học sinh được lựa chọn chất liệu, sáng tạo trong cách thể hiện, khuyến khích người học thể hiện cảm xúc và ý tưởng nghệ thuật riêng của bản thân. Khi đánh giá trong dạy học Mỹ thuật cần chú trọng đánh giá quá trình sáng tạo cũng như mức độ tiến bộ của HS trong học tập, đây là yêu cầu về năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phân hóa mà SV SPMT cần có. Ngoài ra SV cần biết đánh giá kết quả và điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động DHPH của bản thân. Mỗi tiêu chí trong khung năng lực đều được cụ thể hóa bằng các chỉ báo rõ ràng, có khả năng đo lường, đánh giá giúp SV tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng đồng thời làm căn cứ để các trường đại học lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá NLDH cho đội ngũ giáo viên Mỹ thuật tương lai. Năng lực DHPH của SV ngành SPMT được hình thành và phát triển thông qua các con đường như: Tổ chức dạy học các học phần phương pháp dạy học Mỹ thuật (PPDHMT), hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thực tập sư phạm, hoạt động tự học, tự nghiên cứu của SV. Khung năng lực DHPH có ý nghĩa quan trọng để điều chỉnh chương trình các học phần PPDHMT theo định hướng phát triển năng lực, là căn cứ để xây dựng quy trình phát triển năng lực DHPH một cách có hệ thống, khoa học và hiệu quả. Việc vận dụng khung năng lực này vào thực tiễn đào tạo SV ngành SPMT sẽ giúp các trường nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên Mỹ thuật, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

3. Kết luận

Năng lực DHPH có vai trò quan trọng đối với SV ngành SPMT. Khung năng lực DHPH được đề xuất trong bài báo đáp ứng yêu cầu về NLDH của GV Mỹ thuật trong bối cảnh đổi mới giáo dục cũng như yêu cầu của chương trình Giáo phổ thông môn Mỹ thuật 2018. Khung năng lực DHPH không chỉ mang ý nghĩa lý luận, mà còn có tính ứng dụng cao trong thực tiễn đào tạo GV Mỹ thuật. Với cấu trúc chặt chẽ, có thể đo lường và cụ thể hóa bằng hệ thống chỉ báo, biểu hiện cụ thể, khung năng lực đóng vai trò là công cụ đánh giá, tự đánh giá năng lực DHPH cho GV. Khung năng lực giúp cụ thể hóa chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo, bồi dưỡng GV Mỹ

thuật, đồng thời là cơ sở định hướng đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá trong dạy học Mĩ thuật. Kết quả nghiên cứu trên đây là cơ sở lí luận để các trường Sư phạm tổ chức các hoạt động phát triển năng lực DHPH cho SV ngành SPMT.

Để khung năng lực được thực hiện tốt, các cơ sở giáo dục cần đưa năng lực DHPH vào chuẩn đầu ra của chương trình, tích hợp vào ma trận học phần và tiêu chí đánh giá của chương trình đào tạo. Giảng viên Sư phạm Mĩ thuật cần hiểu vai trò, ý nghĩa của năng lực DHPH, coi đây là năng lực quan trọng thuộc NLDH cần phát triển cho SV trong chương trình đào tạo GV theo định hướng phát triển năng lực. SV cần được định hướng sớm để nhận thức về vai trò của DHPH, nâng cao tinh thần tự giác trong học tập, có thái độ tích cực, chủ động tiếp thu kiến thức, kĩ năng DHPH để phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân.

***Ghi chú:** Bài báo là sản phẩm và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài *Phát triển năng lực dạy học phân hóa cho SV ngành sư phạm Mĩ thuật trường Đại học Sư phạm Hà Nội đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018*, mã số: SPHN24-27 do ThS Nguyễn Thị Hồng Thắm làm chủ nhiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2018). Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo).
- [2] Bộ Giáo dục & Đào tạo, (2018). Chương trình giáo dục phổ thông môn Mĩ thuật (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo).
- [3] NTH Thắm (chủ biên), PT Nụ, PV Tuyển, (2022). *Giáo trình Lí luận và phương pháp dạy học mĩ thuật*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [4] Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, (2022). Chương trình giáo dục đại học, ngành Sư phạm mĩ thuật (ban hành kèm theo Quyết định số 6122/QĐ-ĐHSPHN ngày 27/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).
- [5] PTK Anh, (2020). “Khung năng lực dạy học của GV trẻ ở trung học phổ thông theo yêu cầu đổi mới giáo dục”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, 65(1), 64-73.
- [6] NTK Dung, (2018). “Khung năng lực đánh giá SV tốt nghiệp đại học sư phạm”. *Tạp chí Khoa học xã hội Đại học Sư phạm Hà Nội*, 63(2A), 32-39.
- [7] DTT Hà, (2018). “Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực dạy học của SV tốt nghiệp đại học sư phạm”. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội*, 63(2A), 122-129.
- [8] TT Giang, MQ Khánh, (2019). “Đào tạo năng lực dạy học cho SV đại học sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, số 22, 34-39.
- [9] UTL Na, (2017). *Phát triển năng lực dạy học cho SV cao đẳng sư phạm qua dạy học vì mô*. Luận án tiến sĩ Lí luận và lịch sử giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [10] PT Hiệp, (2023). “Xây dựng khung năng lực chuyên môn cho GV tiểu học giai đoạn hiện nay”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 19(S3), 79-84.
- [11] VV Hùng, (2023). “Năng lực DHPH của SV ngành Giáo dục thể chất ở các trường đại học sư phạm”. *Tạp chí Thiết bị giáo dục*, 1(286), 133-136.
- [12] B Meier, NV Cường, (2016). *Lí luận dạy học hiện đại, cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [13] NC Khanh (Chủ biên), ĐT Oanh, (2023). *Giáo trình Kiểm tra đánh giá trong giáo dục*. Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

- [14] Tomlinson CA, (2001). *How to differentiate instruction in mixed - ability classrooms*. Association for supervision and curriculum development. Alexandria. VA 22311-1714 USA.
- [15] NH Châu, (2006). *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*. Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [16] T Thân, (2006). “Một số vấn đề về dạy học phân hóa”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 6, tr 6-8.
- [17] NTH Nga, TTT Huyền, (2020). “Nâng cao năng lực dạy học phân hóa cho GV đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông 2018”. *Tạp chí Giáo dục*, Số 480 (Kì 2 - 6/2020), tr 5-9.
- [18] Bush M.A, (2007). *Differentiated educational strategies in the elementary art classroom*. Virginia Commonwealth University, Richmond, Virginia.
- [19] Heather L.R. Fountain, (2014). *Art Education in Practice: Differentiated Instruction in Art*. Davis Publications.
- [20] NT Tuấn, (2011). *Giáo trình Phương pháp dạy học mỹ thuật* (tập 1). NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [21] PT Ngô, NTM Hòa, (2017). “Năng lực dạy học của giáo viên trung học phổ thông”. *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 136 tháng 1/2017, tr 37-41.
- [22] TT Bích, (2024). “Phát triển năng lực dạy học cho SV Đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0”. *TNU Journal of Science and Technology*, 229(08): 220-228.
- [23] ĐQ Báo (chủ biên, NT Bình, NTK Dung, HTL Hương, VT Sơn, (2017). *Chương trình đào tạo GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [24] LTT Hương, (2016). “Phát triển năng lực dạy học phân hoá – Nội dung quan trọng trong đào tạo GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục”. *Tạp chí Giáo dục*, Số 377, tr 13-15.
- [25] UNESCO, (2016). *Competency Framework*. United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization.
- [26] OECD, (2005). *The Definition and Selection of Key Competencies: Executive Summary*, Organisation for Economic Co-operation and Development.
- [27] Bộ Giáo dục & Đào tạo,(2018). Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.